

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 27/6/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh H;

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh H.

Chị L, anh T đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị L và anh T kết hôn ngày 07 tháng 9 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị L 37 tuổi, còn anh T 35 tuổi, anh chị đều làm lao động tự do tại địa phương. Anh chị có được hai gia đình tổ

chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, chị L về sinh sống tại gia đình nhà anh T. Vợ chồng chỉ chung sống được thời gian ngắn hoà thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2013, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, nghiện hút ma túy. Sau đó, anh T phải đi chấp hành án tại Trại giam H. Thời gian, anh T đi chấp hành án, chị L đã đưa con về nhà ngoại ở N, H sinh sống từ đó cho đến nay. Vợ chồng hầu như không liên lạc gì với nhau, chị L cũng không vào trong trại thăm nom anh T lần nào. Nguyên nhân là do chị phải đi làm nuôi con, điều kiện kinh tế cũng không có. Đến năm 2015, anh T chấp hành xong, về sinh sống tại khu dân cư T, phường V nhưng cũng không tìm đón mẹ con chị về. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Bản thân chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 22/10/2013, đang sinh sống cùng với chị L. Nếu vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện chị làm công nhân may tại N, thu nhập hàng tháng là 9.000.000đồng, thời gian làm việc là làm giờ hành chính nên có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu cầu Toà án giải quyết, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đã được Toà án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án để trình bày các quan điểm.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T, bà T- mẹ đẻ anh T, xác nhận: Hiện anh T vẫn đang làm ăn, sinh sống tại địa phương. Chị L và anh T có đăng ký kết hôn và được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012. Quá trình anh chị chung sống, anh chị có ở chung với ông bà được một thời gian ngắn thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện hút ma túy. Anh T có đi cai nghiện hai lần nhưng sau khi trở về địa phương lại tái nghiện. Chị L đã đưa con về N sinh sống từ năm 2013 đến nay, thỉnh thoảng chị có đưa con về thăm ông bà nội, còn tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được. Gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, không thể ăn ở với nhau được nên chị L xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng anh chị, theo quy định của pháp luật. Về con chung do anh T không có khả năng nuôi con nên đề nghị để chị L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đỗ Bảo A.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Nguyễn Anh T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 06/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Anh T có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Anh T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị sinh sống đã phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu chung sống. Nguyên nhân là do anh T nghiện hút ma túy, phải đi chấp hành án và cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Do vậy,

cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng nuôi con của chị Lan thì thấy: Cháu Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 22/10/2013 ở với chị L từ nhỏ. Chị L có việc làm, có thu nhập, có nơi ở để cháu học tập và sinh sống. Anh T nghiện hút ma túy, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao cháu Bảo A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo A và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh T có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu số AA/2020/00028633 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- UBND phường V, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**